PHỤ LỤC 01

ĐIỀU CHUYỂN DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025 TRỞ VỀ TRƯỚC KÉO DÀI SANG NĂM 2026 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 SANG CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026-2035, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 25/11/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chủ đầu tư/dự án/nội dung thành phần	Tổng cộng	Trong đó		Ghi chú
			NSTW	NSĐP	
I	**Tổng hợp dự toán năm 2025 trở về trước được kéo dài sang năm 2026 điều chỉnh giảm từ các dự án/nội dung thành phần thuộc giai đoạn 2021-2025**	**18.660,37**	**16.311,17**	**2.349,21**	
1	**Xã Ba Tô**	**1.071,10**	**15,70**	**1.055,40**	
1.1	***Dự án 3***	***1.071,10***	***15,70***	***1.055,40***	
-	Tiểu dự án 1	1.071,10	15,70	1.055,40	
2	**Xã Đăk Mar**	**977,21**	**977,21**	**-**	
2.1	***Dự án 1***	***401,29***	***401,29***	**-**	
2.2	***Dự án 3***	***555,23***	***555,23***	**-**	
-	Tiểu dự án 2	555,23	555,23	-	
2.3	***Dự án 4***	***0,36***	***0,36***	**-**	
-	Tiểu dự án 1	0,36	0,36	-	
2.4	***Dự án 9***	***0,03***	***0,03***	**-**	
-	Tiểu dự án 2	0,03	0,03	-	
2.5	***Dự án 10***	***20,30***	***20,30***	**-**	
-	Tiểu dự án 1	0,30	0,30	-	
-	Tiểu dự án 2	20,00	20,00	-	
3	**Xã Măng Ri**	**534,37**	**534,37**	**-**	
3.1	***Dự án 2***	***90,00***	***90,00***	**-**	
3.2	***Dự án 3***	***25,00***	***25,00***	**-**	
-	Tiểu dự án 2	25,00	25,00	-	
3.3	***Dự án 5***	***210,70***	***210,70***	**-**	
-	Tiểu dự án 1	1,00	1,00	-	
-	Tiểu dự án 4	209,70	209,70	-	
3.4	***Dự án 8***	***0,20***	***0,20***	**-**	
3.5	***Dự án 9***	***52,22***	***52,22***	**-**	
	Tiểu dự án 2	52,22	52,22	-	
3.6	***Dự án 10***	***156,24***	***156,24***	**-**	
	Tiểu dự án 1	-		-	
	Tiểu dự án 3	156,24	156,24		
4	**Xã Đăk Pék**	**999,28**	**999,28**	**-**	
4.1	***Dự án 3***	***999,28***	***999,28***	**-**	
-	Tiểu dự án 1	999,28	999,28	-	
5	**Xã Sơn Hà**	**4.207,00**	**3.954,00**	**253,00**	
5.1	***Dự án 5***	***4.207,00***	***3.954,00***	***253,00***	
-	Tiểu dự án 2	105,00	-	105,00	
-	Tiểu dự án 3	3.020,00	3.020,00	-	
-	Tiểu dự án 4	1.082,00	934,00	148,00	
6	**Xã Đăk Rơ Wa**	**990,00**	**990,00**	**-**	
6.1	***Dự án 5***	***990,00***	***990,00***	**-**	
-	Tiểu dự án 3	990,00	990,00	-	
7	**Xã Sơn Tây Hạ**	**1.780,00**	**1.513,00**	**267,00**	
7.1	***Dự án 1***	***1.780,00***	***1.513,00***	***267,00***	

TT	Chủ đầu tư/dự án/nội dung thành phần	Tổng cộng	Trong đó		Ghi chú
			NSTW	NSĐP	
8	**Xã Xốp**	**1.984,00**	**1.984,00**	**-**	
8.1	***Dự án 3***	***1.984,00***	***1.984,00***	***-***	
-	Tiểu dự án 1	1.984,00	1.984,00		
9	**Xã Đăk Rve**	**699,00**	**699,00**	**-**	
9.1	***Dự án 3***	***699,00***	***699,00***	***-***	
	Tiểu dự án 1	699,00	699,00	-	
10	**Xã Sơn Linh**	**5.418,42**	**4.644,61**	**773,80**	
10.1	***Dự án 5***	***4.525,00***	***3.913,00***	***612,00***	
	Tiểu dự án 2	108,00	-	108,00	
	Tiểu dự án 3	3.384,00	3.021,00	363,00	
	Tiểu dự án 4	1.033,00	892,00	141,00	
10.2	***Dự án 8***	***893,42***	***731,62***	***161,81***	
II	**Điều chuyển sang thực hiện các nội dung thành phần thuộc giai đoạn 2026-2030**	**18.660,37**	**16.311,17**	**2.349,21**	
I.1	**Hợp phần thứ I - Nội dung thành phần 02 -Nội dung 05: Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học, thư viện cho các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn nông thôn theo hướng hiện đại, chuẩn hóa và số hóa, đáp ứng yêu cầu học tập cơ bản. ...**	**3.581,95**	**2.526,55**	**1.055,40**	
1	Xã Đăk Mar	977,207	977,207	-	
2	Xã Đăk Pék	999,280	999,280	-	
3	Xã Măng Ri	534,367	534,367		
4	Xã Ba Tô	1.071,100	15,70	1.055,40	
I.2	**Hợp phần I - Nội dung thành phần 3 - Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo, phù hợp với điều kiện sinh thái, văn hóa và trình độ phát triển của từng địa phương, đặc biệt tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo; .....**	**3.764,00**	**3.497,00**	**267,00**	
1	Xã Sơn Tây Hạ	1.780,000	1.513,00	267,00	
2	Xã Xốp	1.984,00	1.984,00	-	
I.3	**Hợp phần II - Nội dung thành phần 1 - Nội dung 01: Đầu tư xây dựng mới; đầu tư cải tạo, nâng cấp; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho: Các cơ sở giáo dục mầm non; các trường phổ thông; các trường phổ thông dân tộc nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở, phổ thông dân tộc bán trú, dân tộc nội trú, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục thường xuyên .....**	**5.197,00**	**4.944,00**	**253,00**	
1	Xã Đăk Rơ Wa	990,00	990,00		
2	Xã Sơn Hà	4.207,00	3.954,00	253,00	
I.4	**Tiểu dự án 1, Dự án 4: Duy tu, sửa chữa các công trình đã được phê duyệt danh mục trước ngày 31/12/2025 thuộc giai đoạn 2021-2025.**	**6.117,42**	**5.343,61**	**773,80**	

TT	Chủ đầu tư/dự án/nội dung thành phần 3	Tổng cộng	Trong đó		Ghi chú
			NSTW	NSĐP	
1	Xã Đăk Rve	699,000	699,0		
2	Xã Sơn Linh	5.418,42	4.644,61	773,80	

Ghi chú:

Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gia

1 Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

2 Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

3 Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

4 Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc

Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

5 Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng ĐBDTTS

Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

PHỤ LỤC 02

ĐIỀU CHUYỂN DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025 TRỞ VỀ TRƯỚC ĐƯỢC KÉO DÀI SANG NĂM 2026 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 CỦA CÁC CƠ QUAN VÀ ĐỊA PHƯƠNG KHÔNG CÓ NHU CẦU SỬ DỤNG; BỔ SUNG CHO CÁC ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026-2035, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 25/11/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chủ đầu tư	Nguồn vốn Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MN			Ghi chú
		Tổng vốn	Trong đó:		
			NSTW	NSĐP	
I	**Tổng dự toán năm 2025 trở về trước được kéo dài sang năm 2026 của các cơ quan, đơn vị và địa phương không còn nhu cầu sử dụng, đề xuất điều chuyển cho các cơ quan, đơn vị khác có nhu cầu**	**66.893,73**	**64.585,01**	**2.308,72**	
1	Sở Dân tộc và Tôn giáo	10.868,56	10.742,86	125,70	
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	28.100,48	27.151,46	949,02	
3	Sở Nông nghiệp và Môi trường	1.967,80	1.967,80	0,00	
4	Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh	22.541,86	21.307,86	1.234	
5	Ban quản lý Vườn quốc gia Chư Mom Ray	3.415,03	3.415,03		
II	**Bổ sung mục tiêu cho các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030**	**64.585,01**	**64.585,01**	**-**	
II.1	**Hợp phần thứ I - Nội dung thành phần 01 - Nội dung 01: Rà soát, lập, phê duyệt quy hoạch chung xã theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của xã; quy hoạch cấp tỉnh theo quy định. …**	**400,00**	**400,00**	**-**	
1	Xã Ba vì	400,00	400,00		
II.2	**Hợp phần thứ I - Nội dung thành phần 02 -Nội dung 05: Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học, thư viện cho các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn nông thôn theo hướng hiện đại, chuẩn hóa và số hóa, đáp ứng yêu cầu học tập cơ bản. ....**	**11.936,00**	**11.936,00**	**-**	
1	Xã Ba Vì	1.600,00	1.600,00		
2	Xã Ngọk Réo	3.336,00	3.336,00		
3	Xã Đăk Môn	7.000,00	7.000,00		
II.3	**Hợp phần I - Nội dung thành phần 3 - Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo, phù hợp với điều kiện sinh thái, văn hóa và trình độ phát triển của từng địa phương, đặc biệt tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo; ....**	**2.000**	**2.000**	**-**	
1	Xã Tây Trà Bồng	2.000	2.000		

TT	Chủ đầu tư	Nguồn vốn Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MN			Ghi chú
		Tổng vốn	Trong đó:		
			NSTW	NSĐP	
II.4	**Hợp phần II - Nội dung thành phần 1 - Nội dung 01: Đầu tư xây dựng mới; đầu tư cải tạo, nâng cấp; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho: Các cơ sở giáo dục mầm non; các trường phổ thông; các trường phổ thông dân tộc nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở, phổ thông dân tộc bán trú, dân tộc nội trú, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục thường xuyên ...**	**36.298,01**	**36.298,01**	**-**	
1	Xã Xốp	908	907,60		
2	Xã Ngọk Bay	5.000	5.000,00		
3	Xã Măng Bút	1.175	1.175,00		
4	Xã Kon Plông	3.017	3.017,18		
5	Xã Măng Đen	985	984,60		
6	Xã Măng Ri	4.682	4.682,11		
7	Xã Sa Loong	990	990,00		
8	Xã Tu Mơ Rông	990	990,00		
9	Xã Đăk Tô	2.000	2.000,00		
10	Xã Ya Ly	3.800	3.800,00		
11	Xã Ngọc Linh	4.957	4.956,52		
12	Xã Sa Bình	6.800	6.800,00		
13	Xã Đăk Tờ Kan	995	995,00		
II.5	**Hợp phần II - Nội dung thành phần 04 -Nội dung 01: Chính sách đặc thù ưu tiên hỗ trợ, phát triển cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân thuộc các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù trong phạm vi toàn quốc**	**8.700**	**8.700**	**-**	
1	Xã Tu Mơ Rông	1.700	1.700		
2	Xã Đăk Sao	2.000	2.000		
3	Xã Đăk Tờ Kan	5.000	5.000		
II.6	**Tiểu dự án 1, Dự án 4: Duy tu, sửa chữa các công trình đã được phê duyệt danh mục trước ngày 31/12/2025 thuộc giai đoạn 2021-2025.**	**5.251**	**5.251**	**-**	
1	Xã Đăk Rve	5.251	5.251		
III	**Thu hồi, tập trung về ngân sách tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ khác**	**2.308,72**		**2.308,72**	Ủy thác qua ngân hàng chính sách

PHỤ LỤC 03

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 VỀ TRƯỚC KÉO DÀI SANG NĂM 2026
CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI

Nguồn vốn: ngân sách trung ương và ngân sách địa phương

(Kèm theo Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 25/11/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chủ đầu tư/đầu mối giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026						Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026						Ghi chú
		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026			Tổng vốn	Giảm		Tổng vốn	Tăng		
		Tổng vốn	Trong đó:		Tổng vốn	Trong đó:								
			NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST	
	TỔNG CỘNG	**126.116,37**	**120.028,90**	**6.087,47**	**3.461,43**	**3.430,80**	**30,63**	**3.331,73**	**3.301,10**	**30,63**	**3.331,74**	**3.301,10**	**30,63**	UBND các xã triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ mới giai đoạn 2026-2030 theo đúng quy định tại Nghị quyết 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Văn bản số 6268/BTC-PTHT ngày 15/5/2026.
I	**Xã Sa Thầy**	**116.666,77**	**111.733,90**	**4.932,87**	**3.298,94**	**3.298,94**	**-**	**3.169,24**	**3.169,24**	**-**	**3.169,24**	**3.169,24**		
1	Dự án 1. Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	318,00	294,00	24,00	53,70	53,70		53,70	53,70					
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	32.717,00	32.117,00	600,00	2.191,21	2.191,21		2.061,51	2.061,51					
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	80.611,77	76.302,90	4.308,87	1.017,56	1.017,56	-	1.017,56	1.017,56	-	-	-	-	
*	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	80.611,77	76.302,90	4.308,87	1.017,56	1.017,56		1.017,56	1.017,56					
4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	3.020,00	3.020,00	-	36,47	36,47	-	36,47	36,47	-	-	-	-	
*	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú; trường phổ thông dân tộc bán trú; trường Phổ thông có học sinh bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	3.020,00	3.020,00	-	36,47	36,47		36,47	36,47					
II	**Xã Sơn Tây Hạ**	**9.449,60**	**8.295,00**	**1.154,60**	**162,49**	**131,86**	**30,63**	**162,49**	**131,86**	**30,63**	**162,49**	**131,86**	**30,63**	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	7.951,50	6.995,00	956,50	149,29	130,21	19,07	149,29	130,21	19,07	-			
2	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	1.498,10	1.300,00	198,10	13,21	1,65	11,56	13,21	1,65	11,56	-			

PHỤ LỤC 04

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 VỀ TRƯỚC KÉO DÀI SANG NĂM 2026 CỦA CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ VÀ ĐỊA PHƯƠNG KHÔNG CÒN NHU CẦU SỬ DỤNG CHO CÁC ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG KHÁC CÓ NHU CẦU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026-2035, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030

Nguồn vốn: ngân sách trung ương và ngân sách địa phương

(Kèm theo Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 25/11/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Đơn vị	Nguồn vốn Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MN			Ghi chú
		Cộng	NSTW	NST	
I	**Tổng vốn đầu tư công năm 2025 trở về trước được kéo dài sang năm 2026 của các cơ quan đơn vị và địa phương không có nhu cầu sử dụng, đề xuất điều chuyển cho các cơ quan, đơn vị khác có nhu cầu**	**14.220,42**	**3.934,46**	**10.285,96**	
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	3.503,546	2.856,536	647,010	Chi tiết tại PL 04.1
2	Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	429,823	290,875	138,948	Chi tiết tại PL 04.2
3	Xã Đăk Mar	519	519,000		Chi tiết tại PL 04.3
4	Xã Đăk Rve	268	268,0		Chi tiết tại PL 04.4
5	Sở Văn Hóa, Thể Thao và Du lịch	1.500		1.500	Chi tiết tại PL 04.5
6	Vốn đầu tư công năm 2025 trở về trước được kéo dài sang năm 2026 của các cơ quan, đơn vị và địa phương nộp trả	8.000		8.000	
II	**Bổ sung mục tiêu cho xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035**	**14.220,42**	**3.934,46**	**10.285,96**	
1	Xã Sơn Tây Hạ	3.003	2.856	146	UBND xã triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ mới giai đoạn 2026-2030 theo đúng quy định tại Nghị quyết 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Văn bản số 6268/BTC-PTHT ngày 15/5/2026.
2	Xã Đăk Pék	1.718	1.078	640	
3	Xã Măng Ri	8.000		8.000	
3	Xã Đăk Môn	1.500		1.500	

PHỤ LỤC 04.1

ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 VỀ TRƯỚC KÉO DÀI SANG NĂM 2026 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

Đơn vị: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông

Nguồn vốn: Ngân sách trung ương và ngân sách địa phương

(Kèm theo Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 25/11/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026						Điều chỉnh, bổ sung								Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026 sau điều chỉnh						Ghi chú
		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026			Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026				Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026			
		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		NSTW		NST		NSTW		NST		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		
			NSTW	NST		NSTW	NST	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		NSTW	NST		NSTW	NST	
	TỔNG CỘNG	**4.072**	**3.390**	**682**	**3.002**	**2.857**	**145**	**0,214**	**2.857**	**-**	**145**	**0,214**	**2.857**	**-**	**145**	**1.070**	**533**	**537**	**-**	**-**	**-**	
I	**Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp côngcủa lĩnh vực dân tộc**	**4.072**	**3.390**	**682**	**3.002**	**2.857**	**145**	**-**	**2.857**	**-**	**145**	**-**	**2.857**	**-**	**145**	**1.070**	**533**	**537**	**-**	**-**	**-**	
*	***Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN***	***4.072***	***3.390***	***682***	***3.002***	***2.857***	***145***	***-***	***2.857***	***-***	***145***	***-***	***2.857***	***-***	***145***	***1.070***	***533***	***537***	***-***	***-***	***-***	
1	Công trình: Trường TH&THCS Sơn Tinh; hạng mục: Xây mới 06 phòng học	4.072	3.390	682	3.002	2.857	145		2.856,75		145,25		2.856,75		145,25	1.070	533	537	-	-	-	
II	**Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**	**4.106**	**4.106**	**-**	**4.106**	**4.106**	**-**	**0,214**	**-**	**-**	**-**	**0,214**	**-**	**-**	**-**	**4.106**	**4.106**	**-**	**4.106**	**4.106**	**-**	
*	***Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số***	***4.106***	***4.106***	***-***	***4.106***	***4.106***	***-***	***0,214***	***-***	***-***	***-***	***0,214***	***-***	***-***	***-***	***4.106***	***4.106***	***-***	***4.106***	***4.106***	***-***	***-***
1	Trường TH&THCS Sơn Tinh; hạng mục: Xây dựng phòng ở cho HSBT; phòng công vụ giáo viên, phòng quản lý HSBT	4.106,0	4.106,0	-	4.106,0	4.106,0	-	0,214				0,214				4.106,214	4.106,214	-	4.106,214	4.106,214	-	

PHỤ LỤC 4.2

ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 VỀ TRƯỚC KÉO DÀI SANG NĂM 2026 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

Đơn vị: Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh

Nguồn vốn: ngân sách trung ương và ngân sách địa phương

(Kèm theo Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 25/11/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chủ đầu tư/đầu mối giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026						Điều chỉnh								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026 sau điều chỉnh (lần 2)						Ghi chú
		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026 (điều chỉnh lần 1)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước được phép kéo dài sang năm 2026				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026			
		Tổng vốn	Trong đó:		Tổng vốn	Trong đó:		NSTW		NST		NSTW		NST		Tổng vốn	Trong đó:		Tổng vốn	Trong đó:		
			NSTW	NST		NSTW	NST	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		NSTW	NST		NSTW	NST	
	TỔNG CỘNG	**6.299,291**	**5.527,000**	**772,291**	**742,795**	**603,847**	**138,948**	**-**	**290,875**	**-**	**138,948**	**-**	**290,875**	**-**	**138,948**	**6.299,291**	**5.236,125**	**633,343**	**312,972**	**312,972**	**-**	
III	**Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**	**6.299,291**	**5.527,000**	**772,291**	**742,795**	**603,847**	**138,948**	**-**	**290,875**	**-**	**138,948**	**-**	**290,875**	**-**	**138,948**	**6.299,291**	**5.236,125**	**633,343**	**312,972**	**312,972**	**-**	
*	**Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN**	**6.299,291**	**5.527,000**	**772,291**	**742,795**	**603,847**	**138,948**	**-**	**290,875**	**-**	**138,948**	**-**	**290,875**	**-**	**138,948**	**6.299,291**	**5.236,125**	**633,343**	**312,972**	**312,972**	**-**	
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường thị trấn Ba Tơ - Ba Dinh	6.299,291	5.527,000	772,291	742,795	603,847	138,948		290,875		138,948		290,875		138,948	6.299,291	5.236,125	633,343	312,972	312,972	-	

PHỤ LỤC 04.3

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 VỀ TRƯỚC KÉO DÀI SANG NĂM 2026 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

Đơn vị: UBND xã Đăk Mar

Nguồn vốn: Ngân sách trung ương và ngân sách địa phương

(Kèm theo Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 25/11/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026						Điều chỉnh								Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026 sau điều chỉnh						Ghi chú
		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026			Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026				Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026			
		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		NSTW		NST		NSTW		NST		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		
			NSTW	NST		NSTW	NST	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		NSTW	NST		NSTW	NST	
	TỔNG CỘNG	**519**	**519**	**-**	**519**	**519**	**-**	**-**	**519**	**-**	**-**	**-**	**519**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
I	**Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt**	**265**	**265**	**-**	**265**	**265**	**-**	**-**	**265**	**-**	**-**	**-**	**265**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
II	**Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình**	**254**	**254**	**-**	**254**	**254**	**-**	**-**	**254**	**-**	**-**	**-**	**254**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
*****	***Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi***	***254***	***254***	**-**	***254***	***254***	**-**	**-**	***254***	**-**	**-**	**-**	***254***	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	

PHỤ LỤC 04.4

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 VỀ TRƯỚC KÉO DÀI SANG NĂM 2026 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

Đơn vị: UBND xã Đăk Rve

Nguồn vốn: Ngân sách trung ương và ngân sách địa phương

(Kèm theo Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 25/11/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026						Điều chỉnh								Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026 sau điều chỉnh						Ghi chú
		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026			Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026				Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026			
		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		NSTW		NST		NSTW		NST		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		
			NSTW	NST		NSTW	NST	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		NSTW	NST		NSTW	NST	
	TỔNG CỘNG	**27.645,35**	**27.461,30**	**184,05**	**268,05**	**268,05**	**-**	**-**	**268,05**	**-**	**-**	**-**	**268,05**	**-**	**-**	**27.377,30**	**27.193,25**	**184,05**	**-**	**-**	**-**	
I	**Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt**	**4.983,98**	**4.799,93**	**184,05**	**263,25**	**263,25**	**-**	**-**	**263,25**	**-**	**-**	**-**	**263,25**	**-**	**-**	**4.720,73**	**4.536,68**	**184,05**	**-**	**-**	**-**	
II	**Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc**	**22.661,37**	**22.661,37**	**-**	**4,80**	**4,80**	**-**	**-**	**4,80**	**-**	**-**	**-**	**4,80**	**-**	**-**	**22.656,57**	**22.656,57**	**-**	**-**	**-**	**-**	
*	***Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi***	***22.661,37***	***22.661,37***	***-***	***4,80***	***4,80***	***-***	***-***	***4,80***	***-***	***-***	***-***	***4,80***	***-***	***-***	***22.656,57***	***22.656,57***	***-***	***-***	***-***	***-***	

PHỤ LỤC 04.5

ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 VỀ TRƯỚC KÉO DÀI SANG NĂM 2026 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

Đơn vị: Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch

Nguồn vốn: Ngân sách trung ương và ngân sách địa phương

(Kèm theo Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 25/11/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026						Điều chỉnh								Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026 sau điều chỉnh						Ghi chú
		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026			Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026				Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026			
		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		NSTW		NST		NSTW		NST		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		
			NSTW	NST		NSTW	NST	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		NSTW	NST		NSTW	NST	
	TỔNG CỘNG	**18.431**	**16.312**	**2.119**	**5.984**	**4.297**	**1.687**	**-**	**-**	**-**	**1.500**	**-**	**-**	**-**	**1.500**	**16.931**	**16.312**	**619**	**4.484**	**4.297**	**187**	
I	**Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch**	**18.431**	**16.312**	**2.119**	**5.984**	**4.297**	**1.687**	**-**	**-**	**-**	**1.500**	**-**	**-**	**-**	**1.500**	**16.931**	**16.312**	**619**	**4.484**	**4.297**	**187**	
1	Dự án: Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo quần thể di tích quốc gia đặc biệt chiến thắng Đăk Tô - Tân Cảnh	18.431	16.312	2.119	5.984	4.297	1.687	-		-	1.500	-		-	1.500	16.931	16.312	619	4.484	4.297	187	

PHỤ LỤC 05
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 VỀ TRƯỚC KÉO DÀI SANG NĂM 2026 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI

Nguồn vốn: ngân sách trung ương và ngân sách địa phương

(Kèm theo Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 25/11/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Chủ đầu tư/đầu mối giao kế hoạch	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026 điều chỉnh tại Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 25/8/2026			Điều chỉnh lần này			Ghi chú
		Tổng vốn	Trong đó:		Tổng vốn	Trong đó:		
			NSTW	NST		NSTW	NST	
I	**UBND xã Măng Ri**	**35.524,0**	**35.524,0**	**-**	**35.524,0**	**35.524,0**	**-**	
1	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo	-	-	-	35.524,0	35.524,0	-	
*	*Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Nội dung số 02: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý)*				*35.524,0*	*35.524,0*		